

KẾ THỪA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TỰ DO VÀ NHÂN VĂN TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

GS, TS NGUYỄN TRỌNG CHUẨN
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Tóm tắt: Tự do thuộc về bản chất và là bản chất của chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng là thuộc tính nhân văn mà một xã hội văn minh hướng tới. Có dân chủ, có tự do thì con người có điều kiện để sáng tạo và góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Tác giả đề nghị bổ sung hai thành tố **tự do** và **nhân văn** vào mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vì, với 6 thành tố **dân chủ, tự do, công bằng, nhân văn, dân giàu, nước mạnh** thì mục đích (hay mục tiêu) cuối cùng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là đầy đủ, vì trong đó vừa có động lực, vừa thể hiện ước vọng, nhu cầu của con người và của toàn thể nhân dân Việt Nam, của toàn Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh kể từ khi Người ra đi tìm đường cứu nước cho đến khi để lại Di chúc mà chúng ta đang hằng ngày cố gắng thực hiện.

Từ khóa: Hồ Chí Minh; Tự do; Nhân văn; Chủ nghĩa xã hội.

Nhìn lại lịch sử, vào thời cổ đại, nhà triết học nổi tiếng Plato (427-347 TCN) đã coi **mục đích** và **đặc điểm nổi bật** của thể chế **dân chủ** là **tự do**, coi “tự do là ưu điểm của xã hội dân chủ, vì thế đó là xã hội duy nhất [mà] người có tinh thần tự do thích sống”¹.

Sau Plato, nhà triết học nổi tiếng Aristotle (384-322 TCN) cũng đã nói rất đúng về các động lực vốn là nền tảng của một nhà nước dân chủ: “căn bản [nền tảng, cơ sở] của một nhà nước dân chủ là tự do”; tự do “là một đặc

tính chỉ có được trong một nhà nước dân chủ, ... là cứu cánh cao cả của mọi nền dân chủ”².

Hơn 20 thế kỷ sau, C.Mác cũng đã từng khẳng định mạnh mẽ rằng, “tự do là cái vốn có của con người”³; “sự thiếu tự do là mối nguy hiểm chết người thật sự đối với con người”⁴. Như vậy, tự do hoàn toàn không phải là sản phẩm của tư duy thuần túy, mà đúng như Ph.Ăngghen đã nói, “tự do là sản phẩm tất yếu của sự phát triển lịch sử”⁵, cũng có nghĩa rằng, tự do không tránh khỏi việc bị giới hạn bởi những điều kiện lịch sử nhất định.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu một mệnh đề vô cùng quan trọng: “Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”⁶.

Như vậy, dù ở thời đại nào, tự do cũng vẫn là giá trị cao cả, là khát vọng và mong muốn chính đáng của con người. Tiếp bước các vĩ nhân, Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta những di sản vô cùng quý giá, trong đó có tư tưởng quan trọng về tự do làm cơ sở cho việc xác định mục đích cuối cùng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Ngay từ khi nước nhà mới giành được độc lập, Hồ Chí Minh đã gọi tên nước và chế độ mới là: *Việt Nam Dân chủ Cộng hoà/ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*.

Một trong những khẳng định đanh thép nhất về bình đẳng và tự do thể hiện rõ nhất trong bản *Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* ngày 2-9-1945: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do. [...] Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”⁷.

Tiếp đó, trong hàng loạt bài viết, bài nói, rất nhiều lần, Người nhắc đến những chữ *dân chủ* và *tự do*. Đối với Người, có độc lập, có dân chủ và có tự do để cho mọi người có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Người còn nói, “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁸.

Đặc biệt, trong *Lời kêu gọi đồng bào và chiến sỹ cả nước*, được truyền đi sáng ngày 17-7-1966, Hồ Chí Minh khẳng định một chân lý: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

Nghiên cứu lịch sử, chúng ta thấy chữ *tự do* luôn thường trực trong mọi suy nghĩ và từng hành động của Hồ Chí Minh. Sau mấy năm ra đi tìm đường cứu nước, trong *Thư gửi các bạn cùng hoạt động ở Pháp* trước khi sang Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc đã tâm niệm rất rõ ràng là sẽ “trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành *tự do* độc lập”⁹. Tiếp đó, trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng*, Nguyễn Ái Quốc chủ trương “Về phương diện xã hội” thì “Dân chúng được *tự do* tổ chức”¹⁰. Trong *Chương trình tóm tắt của Đảng* người yêu cầu “Đảng phổ biến khẩu hiệu “Việt Nam *tự do*””¹¹. Điểm 2 trong phần *Chính trị* của *Chương trình Việt Minh*, Người nhấn mạnh: “*Ban bố các quyền tự do dân chủ cho nhân dân*: Tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại trong nước, tự do xuất dương”¹². Sau khi nước nhà vừa giành được độc lập, trong bài *Trả lời các nhà báo nước ngoài*, Hồ Chí Minh nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được *hoàn toàn tự do*, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”¹³.

Mỗi chữ được Hồ Chí Minh dùng đều hết sức chặt chẽ và vô cùng chính xác, thể hiện tầm nhìn sáng suốt, khoa học về trình tự những việc cần làm để hoàn thành các mục đích mà nhân dân ta cần đạt tới và cần dựa vào *những động lực* quan trọng nào. Đối với Hồ Chí Minh và với cả dân tộc Việt Nam, *độc lập* và *tự do* là khát vọng cháy bỏng trong cuộc đấu tranh chống lại mọi kẻ thù xâm lược. Có lẽ đó cũng là khát vọng ngàn đời của cha ông ta, kể từ khi khởi đầu công cuộc dựng nước.

Dân chủ và tự do ngoài phương diện là các quyền mà con người phải được hưởng, phải

được luật pháp bảo vệ, nó còn là những động lực rất lớn lao, cực kỳ cần thiết nhằm tạo điều kiện để phát huy khả năng sáng tạo, kích thích sự phấn đấu, lao động và hy sinh quên mình của mỗi con người và của cả dân tộc. Con người sống trong một đất nước mất tự do, không có dân chủ, thì không thể có sự sáng tạo, không thể hy sinh quên mình vì đất nước.

Đại hội VI (năm 1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã mở ra một giai đoạn phát triển mới của đất nước với 4 bài học kinh nghiệm được rút ra; trong đó, bài học quan trọng đầu tiên là “lấy dân làm gốc”. Bài học này, về thực chất là, phải tôn trọng dân, phải dựa vào dân, phải lắng nghe ý kiến của dân, nghĩa là phải *thực hành* dân chủ rộng rãi cả trong Đảng và trong xã hội. Sau kỳ Đại hội VI lịch sử đó, một không khí phấn khởi, hồ hởi, cởi mở đã bao trùm trong toàn xã hội.

Tuy nhiên, cho đến trước Đại hội IX của Đảng, vẫn có một số người e ngại, thậm chí rất sợ đưa chữ *dân chủ* vào các văn kiện của Đảng. Họ sợ đưa chữ dân chủ vào thì không thể quản lý được, xã hội sẽ rối loạn. Sự thật là, sau khi đưa mệnh đề *dân chủ* vào Văn kiện chính thức của Đại hội IX thì đã đạt được sự đồng thuận trong xã hội ở mức rất cao. Đó là bằng chứng cho thấy mọi sự sợ hãi do tính bảo thủ đều chỉ cản bước tiến của đất nước. Có sự sửa đổi đó trong các văn kiện của Đại hội IX chính là chúng ta đã tiếp thu tư tưởng Hồ Chí Minh và đã đáp ứng nguyện vọng của toàn thể dân tộc.

Một vấn đề khác không thể không quan tâm là, *tại sao chúng ta lại để cho những thế lực chống đối chế độ lợi dụng việc chúng ta không đưa chữ tự do vào phần mục đích (hay mục tiêu) cuối cùng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong các văn kiện chính thức của Đảng và Nhà nước để công kích chúng ta, để lôi kéo những người không cùng*

chính kiến khi tuyên truyền và quy kết rằng, đất nước chúng ta không tôn trọng tự do, không có tự do, con người hoàn toàn mất tự do?

Vì vậy, đưa chữ **tự do** vào văn kiện Đảng chính là khẳng định lại một lần nữa ý chí sắt đá của toàn thể dân tộc ta đã được Hồ Chí Minh long trọng tuyên bố trước thế giới năm 1945 là mọi người dân Việt Nam được sống trong đất nước đã thật sự độc lập và tự do.

Có người lo sợ rằng, nếu đưa chữ *tự do* vào các văn kiện chính thức của Đảng và Nhà nước thì sẽ không quản lý được những người chống đối, không quản lý được những ý kiến phản biện trái chiều, do vậy xã hội sẽ rối loạn. Đây là suy nghĩ thiên cận và quá sai lầm.

Trên thế giới ngày nay làm gì đã hoặc đang có một đất nước nào, một dân tộc nào mà con người có *tự do tuyệt đối*; có *tự do vô bờ bến*; có *tự do bất chấp luật pháp* và ngoài *sự quy định của luật pháp*. Trong những điều kiện lịch sử - xã hội khác nhau mà con người đang sống thì tự do bao giờ cũng nằm trong khuôn khổ pháp luật, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện kinh tế - xã hội cho phép.

Tuy nhiên, một xã hội muốn phát triển, muốn huy động được khả năng sáng tạo to lớn của cả dân tộc thì cũng không được phép vịn vào những điều kiện nào đó để coi thường tự do, để không thừa nhận quyền tự do hay nặng hơn là bóp nghẹt tự do của con người.

Đành rằng, dân chủ và tự do bao giờ cũng nằm trong khuôn khổ của pháp luật, bị giới hạn bởi những điều kiện, hoàn cảnh lịch cụ thể và khả năng của chế độ xã hội; nghĩa là *không bao giờ có dân chủ và tự do vô bờ bến, cũng không có tự do vô chính phủ*, song nếu không có tự do thì đúng là “mối nguy hiểm chết người thật sự đối với con người” như C.Mác nói. Cái “mối nguy hiểm” đó không phải là cái chết về mặt sinh học, không phải là cái chết về mặt thể xác, mà chính là cái chết về

mặt tinh thần, là cái chết bóp nghẹt tính năng động và sự sáng tạo của con người.

Đặc biệt, cần phải thẩm nhuần tư tưởng coi “tự do là sản phẩm tất yếu của sự phát triển lịch sử” để chống lại tất cả các quan điểm vô chính phủ đòi tự do vô bờ bến; tự do bất chấp pháp luật; tự do bất chấp kỷ cương, phép nước; tự do phá phách xã hội. Từ xa xưa, tự do đối với con người đã được coi như là khí trời để thở. Vì vậy, nếu con người không có tự do thật sự và không được luật pháp bảo vệ khi có những ý kiến mới mẻ, dám đột phá, thì sẽ không có động lực để hành động, để sáng tạo, để bộc lộ và để mang hết tất cả các khả năng vốn có của mình cống hiến cho đất nước và nói rộng ra, là cho nhân loại.

Phải thừa nhận rằng, trước khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã không tận dụng được những động lực vô cùng quan trọng là *dân chủ* và *tự do* này để khơi dậy tiềm năng, khát vọng sáng tạo và cống hiến của con người nhằm góp phần phát triển đất nước mình. Việc suốt mấy thập kỷ có không ít trí thức tâm cỡ thế giới và các nhà khoa học tài năng đã phải rời khỏi các nước xã hội chủ nghĩa bằng nhiều cách khác nhau để tìm kiếm môi trường phù hợp cho sự sáng tạo của bản thân, bên cạnh nguyên nhân khác, thì một phần không nhỏ cũng chính là vì nguyên nhân thiếu dân chủ và thiếu điều kiện cho tự do sáng tạo. Hiện tượng chảy máu chất xám nặng nề của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô trước đây cũng bắt nguồn từ đây. Đó là bài học vô cùng đắt giá mà nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã không kịp rút ra trước khi sụp đổ liên hoàn.

Dân chủ và *tự do* đối với con người trong xã hội hiện đại cũng cần như khí trời trong lành để thở. Tự do là hạnh phúc lớn nhất của

con người. Vậy, tại sao chúng ta lại không đưa chữ **tự do** vào mục đích cuối cùng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Không đưa chữ tự do vào là việc làm chưa thật đúng với tư tưởng Hồ Chí Minh, đã bỏ qua thành quả mà nhân loại cũng như cả dân tộc ta đã phấn đấu, đã chiến đấu, đã không quản hy sinh để giành lấy.

Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh, tôi đề nghị đưa chữ **dân chủ, tự do, công bằng, nhân văn** lên đầu mục tiêu (hay mục đích cuối cùng) của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hai chữ *nhân văn* cũng đã được ghi nhận trong Nghị quyết Trung ương 9, khóa XI *Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước* và trong *Văn kiện Đại hội XII*. Việc ghi nhận như vậy là cần thiết và đúng đắn. Bởi vì, *chính dân chủ, tự do, công bằng, nhân văn* là những *động lực* cực kỳ quan trọng để khơi dậy sự sáng tạo, những sáng kiến, sự mạnh bạo trong suy nghĩ, trong hành động thực tiễn để mọi người có những đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp làm giàu cho bản thân, cho gia đình, cho đất nước và để cho *dân giàu, nước mạnh*. Có dân chủ, có tự do, có công bằng và nhân văn, nghĩa là có động lực thì ắt sẽ có dân giàu và nước mạnh.

Một điểm khác cũng hết sức quan trọng là trong tất cả các bản Hiến pháp, kể từ bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được Quốc hội thông qua ngày 09-11-1946 đã ghi rõ: “Đảm bảo các quyền tự do dân chủ. Công dân Việt Nam có quyền: tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và nước ngoài” (Điều 10). Tất cả các bản Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau đó, từ bản năm 1992, nhất là bản năm 1913, đều ghi rất rõ

các quyền tự do, quyền con người. Cụ thể là: “Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước” (Điều 23); “Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào” (Khoản 1, Điều 24); “Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo” (Khoản 2, Điều 24); “Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật” (Khoản 3, Điều 24); “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình” (Điều 25); “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà luật pháp không cấm” (Điều 33); v.v..

Với tất cả những lý do trên đây, tôi đề nghị diễn đạt mục tiêu cuối cùng (hay mục đích cuối cùng) của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta là “**dân chủ, tự do, công bằng, nhân văn, dân giàu, nước mạnh**”. Đưa chữ *nhân văn* vào mục đích (hay mục tiêu) thể hiện rõ nét nhất quan điểm của Đảng và Nhà nước ta là, tất cả đều vì con người, như trong *Di chúc* Hồ Chí Minh căn dặn.

Tuy nhiên, không nên ghép thành tổ *văn minh* vào cách diễn đạt này, vì rằng tất cả những đặc trưng *dân chủ, tự do, công bằng, nhân văn, dân giàu, nước mạnh* đều là biểu hiện, là tính chất, là đặc trưng của văn minh, đều là nội hàm của phạm trù văn minh (cả văn minh vật chất và văn minh tinh thần), vì vậy, nếu đưa thành tổ văn minh vào mục tiêu là không cần thiết. Hơn nữa, nếu đưa thành tổ *văn minh* vào đây sẽ còn gặp rắc rối về mặt ngữ nghĩa, ngôn từ vì phải chăng nội hàm văn minh không bao gồm những nội dung trên?

Tóm lại, tự do thuộc về bản chất và là bản chất của chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng là thuộc tính nhân văn mà một xã hội phát triển

hướng tới. Có dân chủ, có tự do thì con người có điều kiện để sáng tạo và góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Với 6 thành tố trên đây thì mục đích (hay mục tiêu) cuối cùng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là đầy đủ, vì trong đó vừa có động lực, vừa thể hiện ước vọng, nhu cầu của con người và của toàn thể nhân dân Việt Nam, của toàn Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh kể từ khi Người ra đi tìm đường cứu nước cho đến khi để lại *Di chúc* mà chúng ta đang hằng ngày cố gắng thực hiện □

¹ Plato: *Cộng hoà* (The Republic), Nxb. Thế giới, H., 2013, tr.589.

² Aristotle: *Chính trị luận* (The Politics), Nxb. Thế giới, H., 2013, tr.328, 329, 331.

^{3, 4} C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 1995, tập 1, tr.84; 99.

⁵ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 1994, tập 20, tr.164.

^{6, 7, 8} C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., 1995, tập 4, tr.628; 1; 64.

^{9, 10} Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (bộ 15 tập), Nxb. CTQG, H., 2011, tập 1, tr.209; 1. *NTC in nghiêng*.

^{11, 12, 13} Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (bộ 15 tập), Nxb. CTQG, H., 2011, tập 3, tr.4; 629; 187. *NTC in nghiêng*.